

Số: 01/2023/QĐST-DS

Yên Mô, ngày 14 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 609, Điều 611, Điều 6123, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 7, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 6 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- **Nguyên đơn:** ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1975; HKTT: Xóm G, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Hiện tạm trú tại: Tổ 7, khu 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1956; địa chỉ: TDP P, thị trấn Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.*

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm G, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1948; địa chỉ: 33B L, phường P, quận I, Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1956; địa chỉ: TDP P, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

3. Bà Nguyễn Thị C3, sinh năm 1959; địa chỉ: số 386 đường 2/4 khu phố N,

thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm G, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

5. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm H, xã Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

6. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

7. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm G, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

8. Bà Lê Thị C2, sinh năm 1966 ; địa chỉ: Xóm G, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ2, bà C3, ông N, bà S, bà X và bà D: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1956; địa chỉ: TDP P, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.*

## **2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

### **2.1. Di sản thừa kế, hàng thừa kế;**

Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn T và cụ Lê Thị G để lại là: Quyền sử dụng 488m<sup>2</sup> đất trong đó có 383m<sup>2</sup> đất vườn và 105m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản tại thửa 475 tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất tại xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Đã được cấp Giấy CNQSDĐ mang tên cụ Nguyễn Văn T.

Hàng thừa kế thứ nhất gồm: ông Nguyễn Văn Đ2, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị C3, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Việt H.

Ông Nguyễn Văn Đ2, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị C3, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị D nhường kỹ phần thừa kế của mình được hưởng cho ông Nguyễn Việt H.

### **2. Chia di sản thừa kế;**

2.1. Ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị C2 thống nhất cắt diện tích 36,3 m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản làm đường đi có KT:

- Phía Bắc giáp đất anh C KT: 3.88m và đất chia cho ông C KT 4,2m
- Phía Nam giáp đất ông N5 KT: 8m
- Phía Đông giáp đất chia cho ông H. KT: 4,48m

- Phía Tây giáp đường KT: 4,22m

2.2. Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn T và cụ Lê Thị G sau khi cắt làm đường đi còn lại là: 451,7 m<sup>2</sup> đất (gồm: đất vườn 383m<sup>2</sup> , đất ao 68,7 m<sup>2</sup> chia cho ông Nguyễn Việt H và ông Nguyễn Văn C cụ thể:

\* Ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng diện tích 127 m<sup>2</sup> đất (gồm 118,6 m<sup>2</sup> đất vườn; 8,4 m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản) tại thửa 475 tờ bản đồ số 1 xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình có kích thước:

- Phía Bắc giáp đường mương KT 4,2m

- Phía Nam giáp đất làm đường KT 4,2m

- Phía Đông giáp đất chia cho ông H. KT 30,22 m

- Phía Tây giáp đất anh C KT 27,8m

\* Ông Nguyễn Việt H được quyền sử dụng diện tích 324,7 m<sup>2</sup> đất (gồm 264,4 m<sup>2</sup> đất vườn; 60,3m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản) tại thửa 475 tờ bản đồ số 1 xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình có kích thước:

- Phía Bắc giáp đường mương KT 9,41m

- Phía Nam giáp đất ông N5 KT 9,41m

- Phía Đông giáp đất ông T KT 34,48m

- Phía Tây giáp chia cho ông C KT 30,22 m và giáp đất cắt làm đường KT 4,48m.

(Có sơ đồ kèm theo).

Ông C và ông H không phải thanh toán giá chênh lệch trị tài sản cho nhau.

Trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực, ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị C2 phải tháo dỡ công trình là nhà tạm và C cối xây dựng trên diện tích 324,7 m<sup>2</sup> đất trả lại mặt bằng cho ông Nguyễn Việt H được quyền sử dụng.

### **2.3. Về chi phí thẩm định;**

Tổng số tiền chi phí thẩm định là 2.000.000đ (hai triệu đồng); ông Nguyễn Việt H chịu toàn bộ số tiền chi phí thẩm định không yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị C2 phải thanh toán.

### **3. Về án phí dân sự sơ thẩm;**

3.1. Ông Nguyễn Văn C phải nộp án phí là: 996.000đ (chín trăm chín sáu nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn C là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông Nguyễn Văn C.

3.2. Ông Nguyễn Việt H được chia di sản thừa kế và nhận kỹ phần thừa kế

của ông Đ2, ông Đ, ông N, bà C, bà S, bà X, bà D mỗi kỳ phân thừa kế phải nộp án phí là 316.000đ (ba trăm mười sáu nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn Đ2, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị C là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông Đ2, ông Đ, ông N và bà C.

Ông Nguyễn Việt H phải nộp án phí kỳ phân thừa kế chia cho ông H, bà S, bà S, bà D số tiền là 1.264.000đ (một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí số: 0006422 ngày 07/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô. Hoàn lại cho ông Nguyễn Việt H số tiền 1.236.000đ (một triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Mô
- VKSND tỉnh Ninh Bình.
- Chi cục THSDS huyện Yên Mô
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Hoa**